TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **354/2025/HS-PT**
Ngày: **18 – 7 – 2025**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**
Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh**
Ông **Đỗ Minh Nhựt**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Kiên** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 197/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn P và các đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn P, tên gọi khác: Phước H; Giới tính: Nam.

Sinh năm 1988 tại tỉnh Ninh Bình.

Thường trú và nơi cư trú: 446/69/87, tổ B, khu phố E, phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Công giáo.

Con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm 1954; Con bà: Dương Thị L, sinh năm 1956.

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Vợ: Nguyễn Thị P1, sinh năm 1992 (đã ly hôn); Có 01 con chung: sinh năm 2011.

Vợ thứ hai: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1987; Có 01 con chung: sinh năm 2024.

Tiền án: Tại Bản án số 382/2020/HSST ngày 24/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm (bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 356/HSPT ngày 26/11/2013, Tòa án nhân tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo chấp hành xong bản án ngày 31/8/2015.

Bị bắt giam giữ từ ngày 15/12/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B. *(Có mặt)*

2. Ngô Đình T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa.

Thường trú: Thôn B, xã X, huyện T (nay là xã S), tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Hẻm C, khu phố F, phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Ngô Đình N, sinh năm 1963; Con bà: Lê Thị V1, sinh năm 1964.

Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Vợ: Mai Thị T1, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Có 01 con: sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 27/01/2024.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. *(Có mặt)*

3. Triệu Văn D, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa.

Thường trú: Khu phố H, thị trấn N, huyện N (nay là xã N), tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Số D, tổ C, khu phố E, phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tài xế.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Triệu Văn H1, sinh năm 1963 (đã chết); Con bà: Trần Thị N1, sinh năm 1958.

Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Vợ: Mai Thị G, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Có 03 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015. Vợ thứ hai: Thái Thị Phương D1, sinh năm 1979 và không có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 05/02/2024.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. *(Có mặt)*

4. Đỗ Văn T2, **tên gọi khác: Tú Đ**; Giới tính: Nam.

Sinh năm 1992 tại tỉnh Bắc Giang.

Thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện V (nay là phường V), tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: E869, tổ C, khu phố E, phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Đỗ Văn T3, sinh năm 1969; Con bà: Giáp Thị H2, sinh năm 1969.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Vợ: Trần Thị H3, sinh năm 1990; Có 02 con: lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 05/02/2024.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. *(Có mặt)*

Ngoài ra, còn có các bị cáo Bạch Văn D2, Nguyễn Đức T4, Bùi Đức H4; bị hại ông Phạm Phú Q không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26-01-2024, Nguyễn Ngọc T5, Nguyễn Ngọc T6 (anh trai T5), Nguyễn Thanh P2, Phạm Phú Q, Từ Hữu B (sinh năm 2000, ngụ K, khu phố C, phường B, thành phố B), Nguyễn Xuân P3 (sinh năm 1989, ngụ 76/61, khu phố L, phường L, thành phố B), Bùi Thị V2 (sinh năm 1993, ngụ ấp P, xã L, thành phố B) đến Karaoke “T" thuộc Khu dân cư X, khu phố F, phường L, thành phố B thuê phòng 403 để hát.

Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, Q xuống quầy tiếp tân thắc mắc tại sao chưa mang trái cây và bia lên phòng. Lúc này, Nguyễn Văn P cũng đến quầy lễ tân quán để đặt phòng hát thấy Q to tiếng nên P nói “từ từ nhân viên mang lên” dẫn

đến việc Q và P có lời qua tiếng lại với nhau. Q xông vào ôm đánh P thì bị P ôm vật xuống nền nhà, P dùng tay đánh Q gây vết thương rách mi mắt phải chảy máu.

Thấy P đánh nhau với Q thì Nguyễn Đức T4 và Bạch Văn D2 (bạn P) vào can ngăn thì T4 bị Q đấm 01 cái vào mặt. T4 bực tức nên dùng tay đánh Q 01 cái thì Q bỏ chạy ra ngoài đường. D2 và P chạy theo nói Q quay lại quán để giảng hòa thì Q đồng ý quay lại và vào nhà vệ sinh để rửa vết thương.

Khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, Bùi Đức H4 (nhân viên phục vụ của quán Karaoke) thấy Q bị đánh chảy máu nên lên phòng 403 và thông báo việc Q bị đánh ở dưới quầy lễ tân. T6, T5, P2 đi xuống sảnh lễ tân thì thấy Q từ trong nhà vệ sinh đi ra mặt chảy máu nhiều nên hỏi Q thì Q nói bị người ở lễ tân đánh. Sau đó T6, T5, P2 đi xuống quầy lễ tân gặp D2, P, T4 thì hai bên cự cãi qua lại dẫn đến xô xát xông vào đánh nhau. T6 lấy 01 cây gắp đá bằng inox dài khoảng 50cm, T5 lấy 01 cái ghế xếp khung sắt cùng với P2, Q đuổi đánh làm Duyên, P, T4 chạy ra khỏi quán Karaoke. Lúc này, H4 cũng có mặt tại quầy lễ tân nên T6 và T5 cũng đuổi đánh H4 làm H4 chạy ra khỏi quán Karaoke.

H4 chạy vào quán bi da "Thành Nam" lấy 01 cây cơ bi da quay lại và ném dưới đất gần quán K. T4 nhặt cây cơ bi da này đánh trả thì bị Q giật lấy. D2 chạy vào quán bi da "Thành Nam" lấy 01 cây cơ bi da làm hung khí đánh lại. T4 và P chạy vào quán thịt chó "T", T4 lấy 01 con dao dài khoảng 20cm, P lấy 02 con dao dài khoảng 30cm, H4 tiếp tục nhặt gạch đá ném vào nhóm của T6.

Lúc này Ngô Đình T (bạn của nhóm của D2) đi xe mô tô đến thấy vậy thì dừng xe lại. Q chạy tới dùng chân đạp vào người T, T5 cầm ghế đuổi đánh T nên T chạy vào quán "T" lấy 01 con dao 30cm rồi chạy ra đánh nhau với nhóm của T6 thì bị T6 dùng cây inox, T5 dùng ghế sắt, Q và P2 dùng tay đánh T làm T rơi con dao ra. Q nhặt con dao của T và chém T 02 nhát, T đưa tay lên ôm đầu thì bị chém trúng ngón cái tay trái và ngón trỏ tay phải. T bị đánh nằm ở trước quán Karaoke "T".

Lúc này Triệu Văn D và Đỗ Văn T2 (bạn của P) đi ngang qua thấy vậy cũng dừng lại. D nói P đưa cho 01 con dao, D chạy qua chạy lại bên ngoài thì bị 01 người phụ nữ giật dao nên chưa đánh được ai. T2 xông vào dùng tay đánh nhóm của T6 thì bị nhóm của T6 đánh bỏ chạy. P cũng cầm dao xông vào đánh nhau thì cũng bị nhóm T6 đánh rơi dao.

Khi P đang đứng trước quán "T" thì Q cầm dao đi đến chém P trúng vào vùng thái dương và gò má bên trái. Thấy vậy, T4 cầm cây cơ bida (đoạn tay cầm kích thước to) từ phía sau đánh 02 cái vào vùng đầu bên phải và cổ của Q. T2 cũng xông vào đánh Q thì Q bỏ chạy nên không đánh được. T5 cầm ghế, P2 cầm

khúc cây bida cũng xông vào đuổi đánh trúng vào lưng và hông của P gây thương tích.

Sau đó hai nhóm tiếp tục đuổi đánh nhau một lúc nữa. Trong lúc đánh nhau, Bạch Văn D2 và 02 đối tượng (Chưa rõ lai lịch) cầm cây cơ bi da từ quán B2" chạy ra, D2 cầm cây đánh trúng vào đầu bên trái của Q thì bị T5 dùng tay kẹp cổ D2 giữ lại, Q cũng xông vào giữ D2 để cho T6 cầm cây kẹp inox (dùng gắp đá) đánh vào đầu D2 khoảng 7 đến 8 cái sau đó T6 tiếp tục giật cây cơ bi da bị gãy trên tay của D2 và đập vào đầu của D2 03 cái nữa. T5 thả D2 ra rồi lấy cây bi da đánh 04 cái vào đầu D2 làm Duyên nằm ra đường. Còn P2 đánh nhau với 02 người đi cùng D2. Sau đó, T6, T5, P2 bỏ đi, còn Q đi lại chỗ T4 và P thì bị T4 dùng cây bi da đánh 01 cái trúng vào đầu. Cả hai nhóm tản ra bỏ đi và đến bệnh viện cấp cứu.

Quá trình hai nhóm đuổi đánh nhau, la hét gây ồn ào, tắc nghẽn tạm thời giao thông tại đoạn đường trước quán K, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự nơi công cộng.

Hậu quả: Bạch Văn D2 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 21%, Nguyễn Văn P bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 24%, Ngô Đình T bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%, Phạm Phú Q bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 43%.

2. Về Kết luận giám định:

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 0573/KLTTCT-TTPYĐN ngày 24-6-2024 của Giám định viên - Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận thương tích và tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm Phú Q:

- Sẹo đỉnh trái kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo mổ sọ não bán cầu trái kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%
- Sẹo mổ dẫn lưu vùng đỉnh kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo cung mày phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 03%
- Khuyết sọ bán cầu trái kích thước 10x8cm, đáy chắc. Tỷ lệ: 26%
- Tụ máu ngoài màng cứng đã điều trị khỏi hiện không để lại hình ảnh tụ máu. Tỷ lệ: 05%.
- Tụ máu dưới màng cứng (xuất huyết dọc liềm não và lều tiểu não) đã điều trị khỏi không để lại hình ảnh máu tụ. Tỷ lệ: 08% - Gãy trần hốc mắt trái không ảnh hưởng thị lực. Tỷ lệ: 05%
- Gãy mảnh sàng trái. Tỷ lệ: 01%

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Phú Q -

1999 tại thời điểm giám định là: 43% (Bốn mươi ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Tại kết luận giám định cơ chế tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 0829/KLTTCT-TTPYĐN ngày 27-8-2024 của Giám định viên - Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận cơ chế tổn thương cơ thể của Phạm Phú Q:

- Vết thương vùng đỉnh trái # 02cm gây nứt sọ đỉnh trái, gãy thành xoang sàng trái, nứt trần ổ mắt trái. Tụ máu ngoài màng cứng vùng trán đỉnh trái hiện để lại sẹo đỉnh trái kích thước 02x0,3 cm. Tổn thương này do vật tày tác động vào vùng đỉnh trái với lực mạnh theo hướng từ trái sang phải và chếch từ trên xuống dưới gây nên.

- Vết thương cung mày phải # 03 cm hiện để lại sẹo trán phải (cung mày phải) kích thước 02x0,3 cm. Tổn thương này do vật tày tác động vào vùng cung mày phải với lực nhẹ theo hướng từ trước ra sau chếch từ phải qua trái gây nên.

- Sưng nề mắt phải hiện đã khỏi. Tổn thương này do vật tày tác động vào vùng mắt phải với lực nhẹ theo hướng từ trước ra sau gây nên hoặc do vết thương cung mày trái dẫn đến tụ máu mô mềm vùng mặt phải.

Với các tổn thương của bệnh nhân Phạm Phú Q, sinh năm 1999 là: Vết thương vùng đỉnh trái # 02cm gây nứt sọ đỉnh trái, gãy thành xoang sàng trái, nứt trần ổ mắt trái. Tụ máu ngoài màng cứng vùng trán đỉnh trái, vết thương cung mày phải # 03cm, sưng nề mắt phải. Bệnh nhân vào viện trong tình trạng: Bệnh nhân lơ mơ, Glasgow 11 điểm; da niêm hồng, Mạch 100 lần/ phút; Nhiệt độ 37 độ C;

Huyết áp 110/60 mmHg; Nhịp thở 20 lần/ phút. Xét nghiệm định lượng Ethanol (cồn) [Máu]: 164.77mg/dl. Như vậy các tổn thương của bệnh nhân Phạm Phú Q, sinh năm 1999 thuộc loại cấp cứu có trì hoãn vì vậy nếu không được cấp cứu kịp thời thì ngay lập tức không ảnh không ảnh hưởng đến tính mạng.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 0573/KLTTCT-TTPYĐN ngày 24-6-2024 của Giám định viên - Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận thương tích và tỷ lệ tổn thương cơ thể của Bạch Văn D2:

- Sẹo thái dương phải trong chân tóc kích thước 4,5x0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo trán đỉnh trái trong chân tóc kích thước 4,5x0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Gãy cung gò má phải không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ: 08%
- Dập não đã điều trị khỏi không còn hình ảnh tổn thương não. Tỷ lệ: 05%
- Tụ máu dưới màng cứng đã điều trị hiện không còn hình ảnh máu tụ. Tỷ lệ: 08%

- Không định tỷ lệ cho chấn thương lưng trái và vai phải đã khỏi hiện tại không để lại dấu vết, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong Giám định pháp y, Giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bạch Văn D2 - 1988 tại thời điểm giám định là: 21% (Hai mươi mốt phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Vật gây thương tích: Vật tày.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 0515/KLTTCT-TTPYĐN ngày 06-6-2024 của Giám định viên - Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận thương tích và tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn P:

- Sẹo thái dương trái trong chân tóc kích thước 01x0,3 cm. Tỷ lệ: 01%
- Gãy cung gò má trái không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ: 08%
- Gãy xương sườn số 9 bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%
- Gãy xương sườn số 10 bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%
- Gãy xương sườn số 11 bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%
- Gãy mỏm ngang L3-L4 bên trái. Tý lệ: 11%
- Không định tỷ lệ cho sây sát da ngực, bụng và chân thương tay trái đã khỏi hiện tại không để lại dấu vết, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong Giám định pháp y, Giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn P - 1988 tại thời điểm giám định là: 24% (Hai mươi bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Vật gây thương tích: Vật tày.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 0572/KLTTCT-TTPYĐN ngày 24-6-2024 của Giám định viên - Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận thương tích và tỷ lệ tổn thương cơ thể của Ngô Đình T:

- Sẹo thái dương trái kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%
- Sẹo thái dương phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo đốt 2 ngón I bàn tay trái kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo liên đốt 1-2 ngón 2 bàn tay phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%
- Không định tỷ lệ cho thương tích mặt và hông phải đã khỏi hiện tại không để lại dấu vết, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định

pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Ngô Đình T - 1991 tại thời điểm giám định là: 05% (năm phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Vật gây thương tích:

+ Thương tích đầu và bàn tay hai bên: Vật sắc.

+ Thương tích vùng mặt và hông phải.

3. Quyết định của Cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 05 (năm) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung của cả hai tội là 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 382/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2024 nhưng được trừ đi thời gian giam giữ trước đó (từ ngày 25/11/2019 đến ngày 24/7/2020).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Ngô Đình T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn D 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T2 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo bị cáo Bạch Văn D2 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 05 (năm) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bị cáo Nguyễn Đức T4 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bị

cáo Bùi Đức H4 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P:

Ngày 07 tháng 4 năm 2025, bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Bị cáo là lao động chính trong gia đình; bố mẹ thường xuyên đau ốm và có con nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

5. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai:

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 756/QĐ-VKSBH ngày 15 tháng 4 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 186/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chuyển từ cho hưởng án treo sang áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D, Đỗ Văn T2 về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

6. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 và *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D, Đỗ Văn T2 về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với nội dung Kháng nghị số 756/QĐ-VKSBH ngày 15 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai: Hành vi của các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D, Đỗ Văn T2 thể hiện tính hung hăng, manh động, dùng dao gây rối trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị tại địa phương, gây mất trật tự xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật nhưng cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D, Đỗ Văn T2 được hưởng án treo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng

nghị, chuyển từ cho hưởng án treo sang áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D, Đỗ Văn T2.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn P: Xét thấy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 05 (năm) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là Giấy khen của UBND phường L tặng bị cáo vì có đóng góp cho phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được; ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn P, Ngô Đình T, Triệu Văn D và Đỗ Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 26/01/2024 tại đoạn đường trước quán K" thuộc Khu dân cư X, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nhóm Nguyễn Văn P, Bạch Văn D2, Nguyễn Đức T4, Bùi Đức H4, Ngô Đình T, Triệu Văn D, Đỗ Văn T2 đánh nhau với Nguyễn Ngọc T6, Nguyễn Ngọc T5, Nguyễn Thanh P2, Phạm Phú Q. Quá trình đánh nhau, các đối tượng sử dụng dao, gậy bi da, ghế xếp khung sắt, cây gắp đá bằng inox đuổi đánh nhau, la hét gây mất trật tự nơi công cộng, tắc nghẽn giao thông, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Quá trình đánh nhau, Nguyễn Văn P dùng tay, Bạch Văn D2 và Nguyễn Đức T4 đã dùng gậy bi da đánh gây thương tích cho Nguyễn Phú Q1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 43%.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), còn bị cáo Nguyễn Văn P

bị xử phạt thêm về tội *"Cố ý gây thương tích"* quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự công cộng, đến cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng, vi phạm quy tắc, nếp sống văn minh của người dân nơi công cộng; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình, trật tự trị an xã hội tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác nên cần có mức hình phạt phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo P:

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 05 (năm) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, gia đình cáo cung cấp Giấy khen của UBND phường L tặng bị cáo do có đóng góp cho phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới - đô thị văn minh được; ông nội bị cáo được tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đầy; tuy nhiên đây là các tài liệu không được công chứng, chứng thực theo quy định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Mặt khác, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thấp nhất của khung hình phạt; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và có 01 tình tiết tăng nặng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện xem xét xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

- Đối với bị cáo Ngô Văn T7: Khi bị cáo đi xe mô tô đến quán Karaoke "T" thấy đánh nhau dừng xe lại thì bị Q1 chạy tới dùng chân đạp vào người T7, T5 cầm ghế đuổi đánh T7 nên T7 chạy vào quán "T" lấy 01 con dao 30cm rồi chạy ra định đánh nhau với nhóm của T6 thì bị T6 dùng cây inox, T5 dùng ghế sắt, Q1 và P2 dùng tay đánh T7 làm T7 rơi con dao ra. Q1 nhặt con dao của T7 và chém T7 02 nhát, T7 đưa tay lên ôm đầu thì bị chém trúng ngón cái tay trái và ngón trỏ tay phải với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%.

- Các bị cáo Triệu Văn D, Đỗ Văn T2 đi ngang qua quán Karaoke "T" thấy đánh nhau cũng dừng lại; bị cáo D cầm dao chạy qua chạy lại bên ngoài thì bị 01 người phụ nữ giật dao nên chưa đánh được ai; bị cáo T2 định xông vào dùng tay đánh nhóm của T6 thì bị nhóm của T6 đánh bỏ chạy.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo T7, D và T2 không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân chưa tiền án, tiền sự; nhất thời phạm tội, thực hiện hành vi phạm tội không quyết liệt, không sử dụng hung khí, không gây thương tích cho người khác, nên xử phạt bị cáo Ngô Đình T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án; xử phạt Bị cáo Triệu Văn D và Đỗ Văn T2 mỗi bị cáo 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án là phù hợp.

Do đó, không chấp nhận Kháng nghị phúc thẩm số 756/QĐ-VKSBH ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[5] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D và Đỗ Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P và không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 756/QĐ-VKSBH ngày 15/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 186/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P **02 (hai) năm tù** về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* và **05 (Năm) năm tù** về tội *"Cố ý gây thương tích".* Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung của cả hai tội là **07 (bảy) năm tù.** Đồng

thời, tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án số 382/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2024 nhưng được trừ đi thời gian giam giữ trước đó (từ ngày 25/11/2019 đến ngày 24/7/2020).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Đình T **02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo** về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời gian thử thách là **04 (Bốn) năm**, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn D **01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo** về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời gian thử thách là **03 (Ba) năm 08 (Tám) tháng**, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T2 **01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo** về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời gian thử thách là **03 (Ba) năm 08 (Tám) tháng**, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D và Đỗ Văn T2 cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo Ngô Đình T, Triệu Văn D, Đỗ Văn T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí:

Bị cáo P phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo T, D, T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an/UBND phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai;
- Cơ sở giam giữ - Các Bị cáo;
- Lưu: HSVA, THS và VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương